



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC  
BÌNH ĐỊNH**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là “PETEC BIDICO” sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2021: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 0256 3822 233
- Fax: (84) 0256 3823 863
- Website: [www.petecbidico.com.vn](http://www.petecbidico.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)****Nhân sự**

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 76 người. Trong đó nhân viên quản lý 19 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Ông Lương Duy Vân    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 01/08/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021     |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020                                   |
| • Ông Ngô Minh Hải     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Bà Nguyễn Thu Hà     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |

**Ban Kiểm soát**

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Thanh Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Ông Nguyễn Văn Ánh   | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
|                        | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/11/2021                               |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020                               |
| • Ông Nguyễn Văn Phàn  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                   |  |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Ông Ngô Minh Hải        | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Ông Nguyễn Trọng Phát   | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Tăng Vũ Giang       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021                                   |
| • Ông Lương Duy Vân       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Trâm | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 04/01/2022                                   |
| • Bà Không Thị Hà         | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020<br>Miễn nhiệm ngày 04/01/2022 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
PETEC  
BÌNH ĐỊNH  
Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 03 tháng 03 năm 2022



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 168/2022/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 01/03/2022 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

  
**Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2022

  
**Trần Xuân Quang - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 4492-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.105.311.643</b>	<b>57.847.847.564</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>23.636.129.039</b>	<b>6.554.823.133</b>
1. Tiền	111	5	23.636.129.039	6.554.823.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.218.638.136</b>	<b>44.775.974.641</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.071.238.468	39.447.214.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.914.367.380	7.602.006.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	324.525.527	324.180.061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.091.493.239)	(2.597.427.073)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>7.880.683.143</b>	<b>6.084.924.313</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.880.683.143	6.084.924.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>169.861.325</b>	<b>232.125.477</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	169.861.325	84.297.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	108.707.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	39.119.816
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.949.227.437</b>	<b>30.197.922.424</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.868.104.177</b>	<b>23.547.314.403</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.967.456.177	22.646.666.403
- Nguyên giá	222		53.062.922.214	50.530.253.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.095.466.037)	(27.883.586.627)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>5.724.181.224</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.724.181.224
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>1.046.067.352</b>	<b>847.666.158</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.432.997.172)	(4.631.398.366)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>35.055.908</b>	<b>78.760.639</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	35.055.908	78.760.639
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.054.539.080</b>	<b>88.045.769.988</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.431.916.084</b>	<b>26.660.398.028</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.931.916.084</b>	<b>25.920.398.028</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.237.456.707	3.963.398.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.203.485.781	5.038.687.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.324.115.202	1.117.431.054
4. Phải trả người lao động	314		2.285.176.034	1.287.055.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	460.909.091
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		325.757.576	416.666.667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	8.875.616.791	7.954.884.460
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	29.527.078	4.918.983.750
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		650.780.915	762.380.915
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>500.000.000</b>	<b>740.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	500.000.000	740.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64.622.622.996</b>	<b>61.385.371.960</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>64.622.622.996</b>	<b>61.385.371.960</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.256.473.022	4.019.221.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21	3.719.221.986	2.985.358.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	3.537.251.036	1.033.863.604
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.054.539.080</b>	<b>88.045.769.988</b>



Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	289.594.208.758	418.099.676.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		289.594.208.758	418.099.676.963
4. Giá vốn hàng bán	11	23	261.473.791.257	387.349.066.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>28.120.417.501</b>	<b>30.750.610.565</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	362.795.484	819.359.799
7. Chi phí tài chính	22	25	(42.390.972)	1.262.733.229
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		156.020.222	1.263.317.674
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	21.748.629.953	25.272.433.812
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	6.023.442.075	5.599.707.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>753.531.929</b>	<b>(564.904.024)</b>
11. Thu nhập khác	31	27	3.684.937.613	1.940.757.277
12. Chi phí khác	32	28	324.598	51.218.998
13. Lợi nhuận khác	40		<b>3.684.613.015</b>	<b>1.889.538.279</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>4.438.144.944</b>	<b>1.324.634.255</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	900.893.908	290.770.651
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>3.537.251.036</b>	<b>1.033.863.604</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	876	182
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	876	182



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.438.144.944	1.324.634.255
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	1.978.581.767	1.921.959.676
- Các khoản dự phòng	03	25, 26.b	295.664.972	137.147.960
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24,27	(3.047.012.729)	(454.332.008)
- Chi phí lãi vay	06	25	156.020.222	1.263.317.674
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		3.821.399.176	4.192.727.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.211.097.954	16.189.976.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.795.758.830)	1.657.396.117
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(212.069.029)	4.266.603.546
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.858.732)	540.471.386
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(156.020.222)	(1.263.317.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(894.693.891)	(1.069.072.973)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(411.600.000)	(775.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.520.496.426</b>	<b>23.738.884.940</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.555.350.228)	(4.955.043.372)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	6.363.636	5.489.772.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	20.809.004	21.225.950
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.528.177.588)</b>	<b>555.955.305</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	108.243.404.928	346.207.245.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(113.132.861.600)	(367.506.260.789)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19, 21	(21.556.260)	(3.166.455.020)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.911.012.932)</b>	<b>(24.465.469.900)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>17.081.305.906</b>	<b>(170.629.655)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.554.823.133	6.725.452.788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>23.636.129.039</b>	<b>6.554.823.133</b>



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là “PETEC BIDICO” sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

**1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Ngày 26/02/2021, Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm do Công ty làm chủ sở hữu. Đến ngày 05/05/2021, Công ty đã quyết định giải thể Công ty này.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối niên độ kế toán.

##### Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

#### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

**4.5 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

**4.6 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.10 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm: Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xỉ măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	359.313.218	344.179.789
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.276.815.821	6.210.643.344
<b>Cộng</b>	<b>23.636.129.039</b>	<b>6.554.823.133</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
Doanh nghiệp Tư nhân Hoài Thương	938.553.000	2.006.713.000
Công ty TNHH SX TM và DV Như Ý	2.224.051.500	2.060.486.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hồng Thu	472.554.500	730.964.500
Vật liệu xây dựng Thành Ly	1.133.923.712	575.051.361
Các đối tượng khác	16.302.155.756	34.073.999.541
<b>Cộng</b>	<b>21.071.238.468</b>	<b>39.447.214.902</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Xi măng Phúc Sơn	974.218.565	4.694.406.566
Công ty Xăng Dầu Bình Định	-	1.080.925.670
Công ty Xi măng Nghi Sơn	721.510.865	1.178.148.365
Các đối tượng khác	218.637.950	648.526.150
<b>Cộng</b>	<b>1.914.367.380</b>	<b>7.602.006.751</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.859.900	-	22.370.950	-
Công ty CP Thương mại Mặt Trời	-	-	49.267.680	-
Các khoản phải thu khác	313.665.627	-	252.541.431	-
<b>Cộng</b>	<b>324.525.527</b>	<b>-</b>	<b>324.180.061</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	3.091.493.239	2.597.427.073
- Từ 3 năm trở lên	2.078.749.739	2.029.275.520
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	489.545.000	160.788.053
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	523.198.500	407.363.500
<b>Cộng</b>	<b>3.091.493.239</b>	<b>2.597.427.073</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.437.845.908	-	2.029.545.453	-
Hàng hóa	5.442.837.235	-	4.055.378.860	-
<b>Cộng</b>	<b>7.880.683.143</b>	<b>-</b>	<b>6.084.924.313</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	92.549.242	-
Các khoản khác	77.312.083	84.297.862
<b>Cộng</b>	<b>169.861.325</b>	<b>84.297.862</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	35.055.908	78.760.639
<b>Cộng</b>	<b>35.055.908</b>	<b>78.760.639</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	32.502.535.181	7.536.727.343	10.275.963.245	215.027.261	50.530.253.030
Mua sắm trong năm	6.497.588.906	-	1.781.942.546	-	8.279.531.452
T/lý, nhượng bán	4.296.688.772	-	114.225.745	-	4.410.914.517
Giảm khác	1.076.206.690	170.000.000	-	89.741.061	1.335.947.751
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.627.228.625</b>	<b>7.366.727.343</b>	<b>11.943.680.046</b>	<b>125.286.200</b>	<b>53.062.922.214</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	16.472.910.038	7.419.871.842	3.775.777.486	215.027.261	27.883.586.627
Khấu hao trong năm	909.980.500	31.962.182	1.036.639.085	-	1.978.581.767
T/lý, nhượng bán	2.316.528.861	-	114.225.745	-	2.430.754.606
Giảm khác	1.076.206.690	170.000.000	-	89.741.061	1.335.947.751
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.990.154.987</b>	<b>7.281.834.024</b>	<b>4.698.190.826</b>	<b>125.286.200</b>	<b>26.095.466.037</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	16.029.625.143	116.855.501	6.500.185.759	-	22.646.666.403
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.637.073.638</b>	<b>84.893.319</b>	<b>7.245.489.220</b>	<b>-</b>	<b>26.967.456.177</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 19.637.073.638 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 15.567.709.483 đồng.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>900.648.000</b>	<b>900.648.000</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2021				01/01/2021			
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				5.479.064.524	4.432.997.172		5.479.064.524	4.631.398.366
- Công ty CP Cà phê Petec (PCF)	0,97%	0,97%	29.200	296.000.000	35.743.776	29.200	296.000.000	126.640.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PND)	0,13%	0,13%	8.823	136.350.000	12.788.750	8.823	136.350.000	55.178.400
- Công ty CP Kho vận Petec (*)	2,78%	2,78%	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HTI) (**)	0,00%	0,00%	6	137.524	3.424	6	137.524	32.824
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec	5,22%	5,22%	200.000	2.000.000.000	1.806.853.012	200.000	2.000.000.000	1.811.633.542
Land (*)								
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (PETEC) (PEG)	0,02%	0,02%	49.837	1.046.577.000	577.608.210	49.837	1.046.577.000	637.913.600
<b>Cộng</b>				<b>5.479.064.524</b>	<b>4.432.997.172</b>		<b>5.479.064.524</b>	<b>4.631.398.366</b>

(\*) Công ty trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của các Công ty nhận đầu tư.

(\*\*) Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021.

Các Công ty còn lại có cổ phiếu niêm yết trên Sàn chứng khoán Upcom thuộc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2021 cho từng loại cổ phiếu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
CN Công ty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên tại Bình Định	-	2.496.377.000
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Tuệ Cát	501.084.891	628.247.316
Công ty CP Cảng Thị Nại	401.891.655	78.980.000
Các đối tượng khác	334.480.161	759.794.596
<b>Cộng</b>	<b><u>1.237.456.707</u></b>	<b><u>3.963.398.912</u></b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Lương Thị Thanh	1.036.806.018	-
Công ty TNHH Hoàng Giang	-	5.000.000.000
Công ty CP Thương mại Xi măng Tây Nguyên	100.100.000	-
Các đối tượng khác	66.579.763	38.687.227
<b>Cộng</b>	<b><u>1.203.485.781</u></b>	<b><u>5.038.687.227</u></b>

### 18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	39.119.816	-	1.357.437.532	1.102.378.044	-	215.939.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	295.683.524	900.893.908	894.693.891	-	301.883.541
Thuế thu nhập cá nhân	-	173.752.307	92.058.034	102.409.204	-	163.401.137
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	647.995.223	973.270.464	978.374.835	-	642.890.852
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>39.119.816</u></b>	<b><u>1.117.431.054</u></b>	<b><u>3.331.659.938</u></b>	<b><u>3.085.855.974</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.324.115.202</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 19. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	-	227.800
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	7.271.841.672	6.278.641.672
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.370.066.808	1.391.623.068
Phải trả khác	233.708.311	284.391.920
<b>Cộng</b>	<b>8.875.616.791</b>	<b>7.954.884.460</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>740.000.000</b>

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	4.918.983.750	108.243.404.928	113.132.861.600	29.527.078
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	4.918.983.750	108.243.404.928	113.132.861.600	29.527.078
<b>Cộng</b>	<b>4.918.983.750</b>	<b>108.243.404.928</b>	<b>113.132.861.600</b>	<b>29.527.078</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.136.478.246	64.502.628.220
Tăng trong năm	-	-	-	1.033.863.604	1.033.863.604
Giảm trong năm	-	-	-	4.151.119.864	4.151.119.864
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>(54.000.000)</b>	<b>17.028.679.974</b>	<b>4.019.221.986</b>	<b>61.385.371.960</b>
Số dư tại 01/01/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	4.019.221.986	61.385.371.960
Tăng trong năm	-	-	-	3.537.251.036	3.537.251.036
Giảm trong năm	-	-	-	300.000.000	300.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>(54.000.000)</b>	<b>17.028.679.974</b>	<b>7.256.473.022</b>	<b>64.622.622.996</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	12.740.640.000	12.740.640.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	27.650.830.000
<b>Cộng</b>	<b>40.391.470.000</b>	<b>40.391.470.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.019.221.986	7.136.478.246
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	3.537.251.036	1.033.863.604
Phân phối lợi nhuận	300.000.000	4.151.119.864
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	300.000.000	4.151.119.864
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	300.000.000	719.802.264
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	200.000.000
+ Trả cổ tức	-	3.231.317.600
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>7.256.473.022</b>	<b>4.019.221.986</b>

(\*) Việc trích lập quỹ căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 04/11/2021.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu kinh doanh xi măng	137.150.981.728	188.999.145.907
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	149.540.005.045	225.742.572.774
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	196.550.163	165.823.382
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.706.671.822	2.653.677.731
Doanh thu khác	-	538.457.169
<b>Cộng</b>	<b>289.594.208.758</b>	<b>418.099.676.963</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn kinh doanh xi măng	121.179.536.412	170.383.649.321
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	139.644.367.125	216.485.826.543
Giá vốn hợp tác kinh doanh	649.887.720	479.590.534
<b>Cộng</b>	<b>261.473.791.257</b>	<b>387.349.066.398</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	20.809.004	21.225.950
Lãi bán hàng trả chậm	341.986.480	798.133.849
<b>Cộng</b>	<b>362.795.484</b>	<b>819.359.799</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	156.020.222	1.263.317.674
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	-	12.863.016
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(198.411.194)	(13.447.461)
<b>Cộng</b>	<b>(42.390.972)</b>	<b>1.262.733.229</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	6.105.432.234	4.782.632.782
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	848.200.035	594.031.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.513.099	1.277.188.194
Chi phí thuế, phí và lệ phí	832.054.851	1.238.585.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.198.612.911	16.683.762.562
Chi phí bằng tiền khác	600.816.823	696.232.920
<b>Cộng</b>	<b>21.748.629.953</b>	<b>25.272.433.812</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	3.053.076.773	2.495.421.052
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	173.714.251	579.855.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.180.948	165.180.948
Chi phí thuế, phí, lệ phí	105.974.106	201.634.568
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	494.066.166	150.595.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.327.264	554.144.190
Chi phí quản lý khác	1.403.102.567	1.452.875.344
<b>Cộng</b>	<b>6.023.442.075</b>	<b>5.599.707.347</b>

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	12.500.000	726.856.000
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ/chuyển nhượng BĐS	3.026.203.725	220.606.058
Thu nhập từ bồi thường thu hồi đất	-	212.500.000
Thu nhập khác	646.233.888	780.795.219
<b>Cộng</b>	<b>3.684.937.613</b>	<b>1.940.757.277</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí phạt chậm nộp thuế	324.598	51.218.998
<b>Cộng</b>	<b>324.598</b>	<b>51.218.998</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.438.144.944	1.324.634.255
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	66.324.598	129.218.998
- Điều chỉnh tăng	66.324.598	129.218.998
+ Chi phí không được trừ	-	-
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	66.000.000	78.000.000
+ Phạt thuế, phạt hành chính	324.598	51.218.998
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.504.469.542	1.453.853.253
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>900.893.908</b>	<b>290.770.651</b>

### 30. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.537.251.036	1.033.863.604
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(300.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành)	-	300.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.537.251.036	733.863.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>876</b>	<b>182</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2021.

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.021.914.286	1.173.887.365
Chi phí nhân công	9.158.509.007	7.278.053.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.581.767	1.921.959.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.764.969.132	18.670.127.133
Chi phí khác bằng tiền	2.003.919.390	2.157.108.264
<b>Cộng</b>	<b>27.927.893.582</b>	<b>31.201.136.272</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

**33. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	1.237.456.707	-	1.237.456.707
Chi phí phải trả	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	29.527.078	-	29.527.078
Phải trả khác	8.875.616.791	500.000.000	9.375.616.791
<b>Cộng</b>	<b>10.142.600.576</b>	<b>500.000.000</b>	<b>10.642.600.576</b>

<b>01/01/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.963.398.912	-	3.963.398.912
Chi phí phải trả	460.909.091	-	460.909.091
Vay và nợ thuê tài chính	4.918.983.750	-	4.918.983.750
Phải trả khác	7.954.656.660	740.000.000	8.694.656.660
<b>Cộng</b>	<b>17.297.948.413</b>	<b>740.000.000</b>	<b>18.037.948.413</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.636.129.039	-	23.636.129.039
Đầu tư tài chính	200.000.000	1.046.067.352	1.246.067.352
Phải thu khách hàng	17.979.745.229	-	17.979.745.229
Phải thu khác	313.665.627	-	313.665.627
<b>Cộng</b>	<b>42.129.539.895</b>	<b>1.046.067.352</b>	<b>43.175.607.247</b>

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.554.823.133	-	6.554.823.133
Đầu tư tài chính	200.000.000	847.666.158	1.047.666.158
Phải thu khách hàng	36.849.787.829	-	36.849.787.829
Phải thu khác	301.809.111	-	301.809.111
<b>Cộng</b>	<b>43.906.420.073</b>	<b>847.666.158</b>	<b>44.754.086.231</b>

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Mua hàng</b>		
CN TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	7.923.399.900	25.510.713.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Thù lao của Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Lãnh đạo

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>	<b>164.000.000</b>	<b>228.000.000</b>	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch	10.000.000	-
Ông Lương Duy Văn	Chủ tịch	50.000.000	52.000.000
Ông Ngô Minh Hải	Thành viên	8.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên	8.000.000	-
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	40.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	48.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Phát	Thành viên	40.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	-	24.000.000
Ông Huỳnh Đức Trường	Thành viên	-	30.000.000
<b>Lương và phụ cấp Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>560.800.000</b>	<b>894.282.000</b>	
Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc	40.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc	188.000.000	343.258.000
Ông Tăng Vũ Giang	Phó Tổng Giám đốc	32.000.000	-
Ông Lương Duy Văn	Phó Tổng Giám đốc	150.400.000	277.512.000
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	150.400.000	273.512.000

### 35. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch, trong đó có hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành kinh doanh Công ty với mục tiêu kép “vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch” để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC!



Ông Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt